HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ PHẦN LAN

VỀ KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hoà Phần Lan, sau đây gọi là "các Bên ký kết",

THỪA NHẬN sự cần thiết phải bảo hộ đầu tư của nhà đầu tư của một Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia trên cơ sở không phân biệt đối xử;

MONG MUỐN thúc đẩy hợp tác kinh tế mạnh mẽ hơn giữa hai Bên liên quan đến đầu tư của công dân hoặc công ty của một Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia;

THỪA NHẬN rằng thoả thuận về đối xử với các khoản đầu tư nói trên sẽ tăng cường dòng vốn tư nhân và phát triển kinh tế của các Bên ký kết;

NHẤT TRÍ rằng một khuôn khổ ổn định cho đầu tư sẽ góp phần tối đa hoá việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực kinh tế và nâng cao mức sống;

THỪA NHẬN rằng phát triển quan hệ kinh tế và kinh doanh có thể thúc đẩy sự tôn trọng các quyền của người lao động đã được thừa nhận trong phạm vi quốc tế;

THOẢ THUẬN rằng các mục tiêu trên có thể đạt được mà không cần nới lỏng các biện pháp về sức khoẻ, an toàn và môi trường được áp dụng chung;

Đã quyết định ký kết một Hiệp định về khuyến khích và bảo hộ đầu tư và

ĐÃ THỎA THUẬN NHƯ SAU:

Điều 1
Định nghĩa

Theo Hiệp định này:

1. Thuật ngữ "đầu tư" là mọi loại tài sản được thiết lập hoặc có được bởi nhà đầu tư của một Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết khác phù hợp với pháp luật của Bên ký kết khác đó, cụ thể nhưng không chỉ là:

(a) động sản và bất động sản hoặc bất kỳ quyền tài sản nào như thế chấp, thế nợ, cầm cố, cho thuê, quyền hưởng hoa lợi và các quyền

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

tương tự;

(b) lợi nhuận tái đầu tư;

(c) cổ phần và cổ phiếu và trái phiếu của một công ty hoặc bất kỳ hình thức tham gia vào công ty nào khác;

(d) quyền đòi tiền hoặc các quyền đối với hoạt động có giá trị kinh tế;

(e) quyền sở hữu trí tuệ, như sáng chế, quyền tác giả, nhãn hiệu hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý cũng như quy trình kỹ thuật, bí quyết kỹ thuật và uy tín kinh doanh; và

(f) tô nhượng theo pháp luật, theo quyết định hành chính hoặc theo hợp đồng với cơ quan có thẩm quyền, bao gồm tô nhượng để tìm kiếm, phát triển, tinh chế hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Đầu tư thực hiện trên lãnh thổ của một Bên ký kết bởi bất kỳ pháp nhân nào của Bên ký kết đó, nhưng được sở hữu hoặc kiểm soát, trực tiếp hoặc gián tiếp, bởi các nhà đầu tư của Bên ký kết khác, sẽ được coi là đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết khác đó nếu được thực hiện phù hợp với pháp luật của Bên ký kết ban đầu.

Bất kỳ thay đổi nào về hình thức tài sản theo đó tài sản được đầu tư hoặc tái đầu tư không làm thay đổi tính chất của tài sản đó là một khoản đầu tư.

2. Thuật ngữ "thu nhập" nghĩa là khoản tiền thu được từ đầu tư và cụ thể nhưng không chỉ là lợi nhuận, cổ tức, lãi tiền vay, phí chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ, thu nhập từ vốn hoặc bất kỳ khoản thanh toán bằng hiện vật nào liên quan đến đầu tư.

3. Thuật ngữ "nhà đầu tư", với mỗi Bên ký kết, nghĩa là các chủ thể sau đây thực hiện đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia phù hợp với pháp luật của Bên ký kết kia và các quy định của Hiệp định này:

(a) bất kỳ thể nhân nào là công dân của Bên ký kết đầu tiên theo pháp luật của Bên đó; hoặc

(b) bất kỳ pháp nhân nào như công ty, công ty cổ phần, hãng, hợp danh, hiệp hội kinh doanh, cơ quan hoặc tổ chức được thành lập phù hợp với pháp luật của Bên ký kết và có văn phòng được đăng

ký tại hoặc bộ phận quản lý hoặc địa điểm kinh doanh chính thuộc quyền tài phán của Bên ký kết đó, không kể hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận hay phi lợi nhuận, trách nhiệm hữu hạn hay không.

4. Thuật ngữ "lãnh thổ" nghĩa là:

(1) đối với nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là tất cả lãnh thổ đất liền (bao gồm cả các đảo), vùng biển và dưới biển mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán phù hợp với pháp luật quốc gia và luật pháp quốc tế.

(2) đối với Phần Lan, là lãnh thổ đất liền, nội thuỷ và lãnh hải của Bên ký kết và vùng trời phía trên đó, và cả vùng biển ngoài lãnh hải, bao gồm đáy biển và vùng đất dưới đáy biển mà Bên ký kết đó thực hiện quyền chủ quyền hoặc quyền tài phán phù hợp với pháp luật quốc gia hiện hành và luật quốc tế, với mục đích thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên trong khu vực đó.

Điều 2
Khuyến khích và bảo hộ đầu tư

1. Mỗi Bên ký kết trên lãnh thổ của mình sẽ khuyến khích đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia và, phù hợp với pháp luật của nước mình, chấp thuận các khoản đầu tư đó.

2. Mỗi Bên ký kết trên lãnh thổ nước mình sẽ dành cho đầu tư và thu nhập từ đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia sự đối xử công bằng và bình đẳng; và sự bảo hộ và an toàn đầy đủ và thường xuyên.

3. Không một Bên ký kết nào trên lãnh thổ của mình, bằng các biện pháp bất hợp lý hoặc tuỳ tiện, cản trở việc mua lại, mở rộng, vận hành, quản lý, bảo trì, sử dụng, thụ hưởng và bán hoặc việc định đoạt khác đối với đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia.

Điều 3
Đối xử đầu tư

1. Mỗi Bên ký kết sẽ dành cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia và đầu tư của họ sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó dành cho nhà đầu tư của chính Bên đó và đầu tư của họ, liên quan đến việc mua lại, mở

rộng, vận hành, quản lý, bảo trì, sử dụng, thụ hưởng và bán hoặc cách định đoạt khác đối với đầu tư.

2. Mỗi Bên ký kết sẽ dành cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia và đầu tư của họ sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó dành cho nhà đầu tư của quốc gia được hưởng ưu đãi nhất và đầu tư của các nhà đầu tư này, liên quan đến việc thành lập, mua lại, mở rộng, vận hành, quản lý, bảo trì, sử dụng, thụ hưởng và bán hoặc cách định đoạt khác đối với đầu tư.

3. Mỗi Bên ký kết sẽ dành cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia và đầu tư của họ sự đối xử tốt hơn trong hai sự đối xử quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, tuỳ thuộc vào sự đối xử nào thuận lợi hơn cho nhà đầu tư hoặc khoản đầu tư.

4. Các quy định tại khoản 1 Điều này sẽ không áp dụng đối với các biện pháp không phù hợp hiện hành hoặc tương lai được duy trì hoặc ban hành trên lãnh thổ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc bất kỳ sự sửa đổi nào đối với các biện pháp đó trong tương lai, với điều kiện các sửa đổi này phù hợp với quy định về Đối xử Tối huệ quốc của Hiệp định này. Sự đối xử dành cho các khoản đầu tư một khi đã được chấp nhận, trong mọi trường hợp sẽ không xấu hơn sự đối xử được dành theo các quy định của Điều này tại thời điểm khoản đầu tư ban đầu được thực hiện. Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ tiến hành các biện pháp thích hợp để từng bước dỡ bỏ các biện pháp không phù hợp đó.

Điều 4
Các ngoại lệ

Các quy định của Hiệp định này sẽ không được hiểu là bắt buộc một Bên ký kết phải dành cho nhà đầu tư và đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia lợi ích của sự đối xử, ưu đãi hoặc đặc quyền nào có được từ các thoả thuận hiện tại hoặc tương lai về:

(a) khu vực mậu dịch tự do, liên minh thuế quan, thị trường chung, liên minh kinh tế hoặc liên minh tiền tệ hoặc các hiệp định hội nhập kinh tế khu vực tương tự nào khác, bao gồm các hiệp định về thị trường lao động khu vực, mà một Bên ký kết là thành viên hoặc có thể trở thành thành viên, hoặc

(b) hiệp định tránh đánh thuế hai lần hoặc hiệp định quốc tế khác liên quan toàn bộ hoặc chủ yếu đến thuế, hoặc

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

(c) hiệp định đa phương hoặc khu vực liên quan toàn bộ hoặc chủ yếu đến đầu tư .

Điều 5
Tước quyền sở hữu

1. Đầu tư của nhà đầu tư của một Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia sẽ không bị tước quyền sở hữu, quốc hữu hoá hoặc áp dụng bất kỳ biện pháp nào khác, trực tiếp hoặc gián tiếp, có tác dụng như tước quyền sở hữu hoặc quốc hữu hoá (sau đây gọi là "tước quyền sở hữu"), trừ trường hợp vì mục đích phục vụ lợi ích công cộng, trên cơ sở không phân biệt đối xử, phù hợp với thủ tục pháp luật, và được đền bù nhanh chóng, thoả đáng và hiệu quả.

2. Việc đền bù này sẽ có giá trị bằng giá trị của khoản đầu tư bị tước quyền sở hữu tại thời điểm ngay trước khi việc tước quyền sở hữu xảy ra hoặc dự kiến tước đoạt quyền sở hữu được công bố, tuỳ theo sự kiện nào xảy ra trước. Giá trị này sẽ được xác định phù hợp với các nguyên tắc định giá được chấp nhận rộng rãi.

3. Việc đền bù sẽ có tính thanh khoản đầy đủ và được trả không hạn chế hoặc chậm trễ. Khoản đền bù sẽ bao gồm cả lãi tiền vay tính theo lãi suất thương mại xác định trên cơ sở thị trường đối với đồng tiền thanh toán, tính từ ngày tước quyền sở hữu đối với tài sản bị tước quyền sở hữu đến ngày trả tiền trên thực tế.

4. Khi một Bên ký kết tước quyền sở hữu đối với tài sản của một công ty được thành lập hoặc tổ chức theo pháp luật có hiệu lực trên bất kỳ phần nào của lãnh thổ của chính Bên đó, và nhà đầu tư của Bên ký kết kia sở hữu cổ phần của công ty này, Bên ký kết ban đầu sẽ đảm bảo rằng các quy định của khoản 1 Điều này sẽ áp dụng trong phạm vi cần thiết để bảo đảm sự đền bù nhanh chóng, thoả đáng và hiệu quả liên quan đến khoản đầu tư này cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia là chủ sở hữu của số cổ phần đó.

5. Không ảnh hưởng đến Điều 9 của Hiệp định này, nhà đầu tư có khoản đầu tư bị tước quyền sở hữu sẽ có quyền nhanh chóng đưa vụ việc của mình và việc định giá khoản đầu tư của mình ra xem xét phù hợp với các nguyên tắc nêu tại Điều này tại một cơ quan tư pháp hoặc cơ quan có thẩm quyền khác của Bên ký kết đó.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

Điều 6
Đền bù thiệt hại

1. Nhà đầu tư của Bên ký kết có khoản đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia bị thiệt hại do chiến tranh hoặc xung đột vũ trang khác, tình trạng khẩn cấp quốc gia, nổi loạn, khởi nghĩa, hoặc bạo loạn trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, sẽ được Bên ký kết kia dành sự đối xử, liên quan đến hoàn trả, bồi thường, đền bù hoặc bằng các giải pháp khác, không kém thuận lợi hơn sự đối xử Bên đó dành cho các nhà đầu tư nước mình hoặc các nhà đầu tư của quốc gia được đối xử tốt nhất, tuỳ thuộc vào việc nhà đầu tư cho rằng sự đối xử nào thuận lợi hơn.

2. Không ảnh hưởng đến khoản 1 của Điều này, nhà đầu tư của một Bên ký kết, trong bất kỳ tình huống nào nêu tại khoản 1, nếu bị thiệt hại trên lãnh thổ của Bên ký kết kia do:

(a) việc tịch thu khoản đầu tư của nhà đầu tư đó hoặc một phần khoản đầu tư đó bởi lực lượng vũ trang hoặc chính quyền của Bên ký kết kia, hoặc

(b) việc phá huỷ khoản đầu tư của nhà đầu tư đó hoặc một phần khoản đầu tư đó bởi lực lượng vũ trang hoặc chính quyền của Bên ký kết kia, mà vượt quá sự cần thiết của tình hình,

sẽ được Bên ký kết kia hoàn trả hoặc đền bù và trong cả hai trường hợp phải nhanh chóng, thoả đáng và hiệu quả, và đối với trường hợp đền bù, phù hợp với các khoản từ 1 đến 3 của Điều 5.

Điều 7
Tự do chuyển tiền ra nước ngoài

1. Mỗi Bên ký kết sẽ đảm bảo rằng nhà đầu tư của Bên ký kết kia được tự do chuyển vào và chuyển ra khỏi lãnh thổ Bên ký kết ban đầu, khoản đầu tư của họ và các khoản thanh toán liên quan đến khoản đầu tư này. Các khoản thanh toán sẽ bao gồm nhưng không chỉ là:

(a) tiền vốn gốc và các khoản bổ sung để duy trì, phát triển và gia tăng đầu tư;

(b) thu nhập;

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

(c) các khoản tiền thu được từ việc bán toàn bộ hoặc một phần khoản đầu tư, bao gồm cả việc bán cổ phần;

(d) các khoản cần thiết để trả cho các chi phí phát sinh từ hoạt động đầu tư, như trả tiền vay, trả tiền cho quyền sở hữu trí tuệ, phí quản lý, phí chuyển giao công nghệ hoặc các chi phí tương tự khác;

(e) tiền đền bù theo các Điều 5, 6, 8 và 9;

(f) thu nhập cá nhân và các khoản tiền của nhân viên thu được từ nước ngoài và làm việc liên quan đến đầu tư.

2. Mỗi Bên ký kết sẽ đảm bảo rằng việc chuyển tiền ra nước ngoài nêu tại khoản 1 Điều này sẽ được thực hiện không hạn chế bằng đồng tiền tự do chuyển đổi do nhà đầu tư lựa chọn và theo tỷ giá thị trường áp dụng vào ngày chuyển tiền đối với đồng tiền dùng để chuyển tiền và được chuyển ra nước ngoài không chậm trễ.

3. Trong trường hợp không có thị trường hối đoái, tỷ giá áp dụng sẽ là tỷ giá mới nhất của đồng tiền đó sang Quyền Rút vốn Đặc biệt.

Điều 8
Thế quyền

Khi một Bên ký kết hoặc cơ quan được ủy quyền của Bên ký kết đó thanh toán do bảo đảm bồi thường, bảo lãnh hoặc do hợp đồng bảo hiểm đối với khoản đầu tư của một nhà đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, thì Bên ký kết kia phải công nhận việc chuyển giao bất kỳ quyền hoặc quyền đòi tiền nào của nhà đầu tư cho Bên ký kết ban đầu hoặc cho cơ quan được uỷ quyền của Bên ký kết ban đầu, và quyền của Bên ký kết ban đầu hoặc của cơ quan được uỷ quyền của Bên ký kết ban đầu được thực hiện, do hiệu lực của việc thế quyền, bất kỳ quyền hoặc quyền đòi tiền nào trong phạm vi quyền của nhà đầu tư.

Điều 9
Tranh chấp giữa nhà đầu tư và một Bên ký kết

1. Bất kỳ tranh chấp pháp lý nào phát sinh trực tiếp từ một khoản đầu tư giữa một Bên ký kết và nhà đầu tư của Bên ký kết kia sẽ được giải quyết thông qua hoà giải giữa các bên tranh chấp.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

2. Nếu tranh chấp không giải quyết được trong vòng ba (3) tháng kể từ ngày tranh chấp được nêu ra bằng văn bản, tuỳ theo lựa chọn của nhà đầu tư, tranh chấp sẽ được đưa ra:

(a) toà án có thẩm quyền của Bên ký kết mà lãnh thổ của bên đó là nơi đầu tư được thực hiện; hoặc

(b) trọng tài của Trung tâm Quốc tế về Giải quyết Tranh chấp Đầu tư ("Trung tâm"), thành lập theo Công ước về Giải quyết Tranh chấp Đầu tư giữa Nhà nước và Công dân của Nhà nước khác ký tại Washington ngày 18 tháng 3 năm 1965 ("Công ước Washington"), nếu cả hai Bên ký kết đều là thành viên Công ước Washington; hoặc

(c) trọng tài theo Cơ chế Phụ trợ của Trung tâm, nếu chỉ có một Bên ký kết đã ký Công ước Washington nêu tại điểm (b) khoản này; hoặc

(d) một Toà Trọng tài theo vụ việc (ad hoc) được thành lập theo Quy tắc Trọng tài của Uỷ ban Luật Thương mại Quốc tế của Liên Hiệp Quốc (UNCITRAL); hoặc

(e) bất kỳ Toà Trọng tài theo vụ việc (ad hoc) nào đã thoả thuận trước đó.

3. Nếu nhà đầu tư đã đưa tranh chấp ra toà án có thẩm quyền của Bên ký kết chủ nhà hoặc một trong các thủ tục trọng tài nêu tại các điểm từ 2(b) đến 2(e) của Điều này, việc lựa chọn quy trình tố tụng đó sẽ là cuối cùng.

4. Bất kỳ việc xét xử trọng tài nào theo Điều này, theo yêu cầu của một bên tranh chấp, sẽ được tổ chức tại một quốc gia là thành viên của Công ước về Công nhận và thi hành các Phán quyết của trọng tài nước ngoài (Công ước New York) ký tại New York ngày 10 tháng 6 năm 1958. Các yêu cầu đưa ra trọng tài theo Điều này sẽ được coi là phát sinh từ quan hệ thương mại hoặc giao dịch thương mại, với mục đích của Điều 1 Công ước New York.

5. Mỗi Bên ký kết, bằng Hiệp định này, đồng ý vô điều kiện với việc đưa tranh chấp giữa Bên đó với nhà đầu tư của Bên ký kết kia ra giải quyết tại trọng tài phù hợp với quy định của Điều này.

6. Không Bên ký kết nào, khi là một bên của tranh chấp, có thể đưa ra phản đối, tại bất kỳ giai đoạn nào của quá trình tố tụng trọng tài hoặc của quá trình thi hành phán quyết trọng tài, trên cơ sở rằng nhà đầu tư là một bên tranh

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế - Bộ Ngoại giao

chấp đã nhận được khoản đền bù cho một phần hoặc toàn bộ thiệt hại của mình do đã bảo hiểm.

7. Phán quyết sẽ là cuối cùng và bắt buộc với các bên tranh chấp và được thi hành phù hợp với pháp luật quốc gia của Bên ký kết mà trên lãnh thổ của Bên đó phán quyết được thực hiện, bởi cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết đó, vào ngày ghi trong phán quyết.

Điều 10
Tranh chấp giữa các Bên ký kết

1. Tranh chấp giữa các Bên ký kết liên quan đến việc giải thích Hiệp định này sẽ, trong chừng mực có thể, được giải quyết thông qua các kênh ngoại giao.

2. Nếu tranh chấp không được giải quyết trong vòng sáu (6) tháng kể từ ngày một Bên ký kết yêu cầu đàm phán về tranh chấp, theo yêu cầu của một Bên ký kết, tranh chấp sẽ được đưa ra một Toà Trọng tài.

3. Toà Trọng tài sẽ được thành lập cho từng trường hợp cụ thể theo cách thức như sau. Trong vòng hai (2) tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, mỗi Bên ký kết sẽ chỉ định một thành viên của Toà Trọng tài. Hai thành viên này sẽ lựa chọn một công dân của nước thứ ba để hai Bên ký kết chấp thuận cử làm chủ tịch Toà Trọng tài. Chủ tịch Toà Trọng tài sẽ được chỉ định trong vòng 4 tháng kể từ ngày hai thành viên kia được chỉ định.

4. Nếu các thời hạn nêu tại khoản 3 của Điều này không được tuân thủ, nếu không có sự thoả thuận nào khác, mỗi Bên ký kết có thể mời Chủ tịch Toà án quốc tế tiến hành sự chỉ định cần thiết. Nếu Chủ tịch Toà án quốc tế là công dân của một Bên ký kết hoặc vì lý do nào khác không thực hiện được chức năng nêu trên, thành viên cao cấp tiếp theo của Toà án quốc tế không phải là công dân của một Bên ký kết và không bị hạn chế thực hiện chức năng nói trên vì các lý do khác, sẽ được mời tiến hành sự chỉ định cần thiết.

5. Toà trọng tài ra quyết định bằng biểu quyết theo đa số. Quyết định này sẽ là cuối cùng và bắt buộc đối với các Bên ký kết. Mỗi Bên ký kết sẽ chịu chi phí cho thành viên do mình chỉ định trong Toà trọng tài và chi phí cho việc đại diện của mình trong tố tụng trọng tài. Chi phí cho Chủ tịch và các chi phí khác do mỗi Bên ký kết chịu bằng nhau. Toà Trọng tài có thể đưa ra quyết định khác về việc chia xẻ chi phí. Đối với tất cả các vấn đề khác, Toà Trọng tài sẽ tự xác định thủ tục của mình.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế - Bộ Ngoại giao

6. Các vấn đề tranh chấp nêu trong khoản 1 Điều này sẽ được quyết định phù hợp với các quy định của Hiệp định này và các nguyên tắc được thừa nhận chung của luật pháp quốc tế.

Điều 11
Việc cấp phép

1. Mỗi Bên ký kết sẽ, phù hợp với pháp luật của nước mình, tạo thuận lợi cho các đơn đề nghị đầu tư và nhanh chóng cấp các giấy phép cần thiết trên lãnh thổ của nước mình cho đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia.

2. Mỗi Bên ký kết sẽ, phù hợp với pháp luật của mình và nghĩa vụ của nước mình theo các Hiệp định WTO, cho phép các thể nhân đã được tuyển dụng tại nước ngoài để làm các chức vụ lãnh đạo, quản lý, chuyên gia hoặc nhân viên kỹ thuật liên quan đến khoản đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia, và có vai trò quan trọng với doanh nghiệp, được nhập cảnh và tạm trú và cung cấp các giấy tờ xác nhận cần thiết cho họ, với điều kiện là những người này liên tục đáp ứng được những yêu cầu của khoản này. Thành viên gia đình trực tiếp của những người này sẽ được hưởng sự đối xử tương tự liên quan đến việc nhập cảnh và tạm trú trên lãnh thổ của Bên ký kết chủ nhà.

Điều 12
Việc áp dụng các quy định khác

1. Nếu các điều khoản của pháp luật của một Bên ký kết hoặc các nghĩa vụ của Bên đó theo luật pháp quốc tế, đang tồn tại hoặc phát sinh sau này giữa các Bên ký kết nằm ngoài phạm vi Hiệp định này, chứa đựng quy định, bất kể là chung hay cụ thể, dành cho đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia sự đối xử thuận lợi hơn sự đối xử quy định tại Hiệp định này, các điều khoản đó sẽ, trong chừng mực tạo thuận lợi hơn cho cho nhà đầu tư, được ưu tiên áp dụng so với Hiệp định này.

2. Mỗi Bên ký kết sẽ tôn trọng các nghĩa vụ khác của mình liên quan đến một khoản đầu tư cụ thể của nhà đầu tư của Bên ký kết kia.

Điều 13
Áp dụng Hiệp định này

Hiệp định này sẽ áp dụng cho tất cả các khoản đầu tư thực hiện bởi nhà đầu tư của mỗi Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, bất kể được thực hiện trước hay sau khi Hiệp định này có hiệu lực, nhưng không áp dụng cho

bất kỳ tranh chấp liên quan đến đầu tư nào phát sinh hoặc bất kỳ khiếu nại nào đã được giải quyết trước khi Hiệp định có hiệu lực.

Điều 14
Minh bạch hoá

1. Mỗi Bên ký kết sẽ nhanh chóng công bố, hoặc bằng cách khác cho phép công chúng tiếp cận pháp luật, quy định, thủ tục và các quyết định hành chính và các phán quyết của toà án được áp dụng chung cũng như các hiệp định quốc tế có thể ảnh hưởng đến đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia trên lãnh thổ của Bên ký kết ban đầu.

2. Không quy định nào của Hiệp định này bắt buộc một Bên ký kết phải cung cấp hoặc cho phép tiếp cận đến bất kỳ thông tin bí mật hoặc thông tin độc quyền, bao gồm thông tin liên quan đến các nhà đầu tư hoặc các khoản đầu tư nhất định, mà việc tiết lộ các thông tin này có thể làm cản trở việc thực thi pháp luật hoặc vi phạm pháp luật của Bên đó về bảo vệ bí mật hoặc gây phương hại đến các lợi ích thương mại hợp pháp của các nhà đầu tư nhất định.

Điều 15
Tham vấn

Các Bên ký kết sẽ, theo yêu cầu của Bên ký kết kia, tổ chức tham vấn để rà soát việc thực hiện Hiệp định này và nghiên cứu bất kỳ vấn đề nào có thể phát sinh từ Hiệp định. Việc tham vấn này sẽ được thực hiện giữa các cơ quan có thẩm quyền của các Bên ký kết tại địa điểm và thời gian thoả thuận thông qua các kênh thích hợp.

Điều 16
Thời điểm có hiệu lực, thời hạn và chấm dứt hiệu lực

1. Các Bên ký kết sẽ thông báo cho nhau khi hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định sẽ có hiệu lực vào ngày thứ ba mươi kể từ ngày nhận được thông báo cuối cùng.

2. Kể từ thời điểm có hiệu lực, Hiệp định này sẽ bãi bỏ và thay thế Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hoà Phần Lan về Khuyến khích và Bảo hộ Đầu tư lẫn nhau ký ngày 13 tháng 9 năm 1993 tại Helsinki.

3. Hiệp định này sẽ có hiệu lực trong thời hạn hai mươi (20) năm và

sau đó tiếp tục có hiệu lực trong các thời hạn tương tự cho đến khi một Bên ký kết thông báo bằng văn bản cho Bên kia về ý định chấm dứt Hiệp định trước mười hai (12) tháng.

4. Đối với đầu tư được thực hiện trước ngày Hiệp định này chấm dứt hiệu lực, các quy định của các Điều từ 1 đến 15 sẽ tiếp tục có hiệu lực trong thời hạn hai mươi (20) năm kể từ ngày Hiệp định chấm dứt hiệu lực.

ĐỂ LÀM CHỨNG, những đại diện ký tên dưới đây được uỷ quyền hợp lệ đã ký Hiệp định này.

Hiệp định này được làm tại Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2008 thành hai bản bằng tiếng Việt, tiếng Phần Lan và tiếng Anh, các bản đều có giá trị ngang nhau. Trường hợp có sự hiểu khác nhau, văn bản tiếng Anh sẽ được dùng làm căn cứ.

Thay mặt Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	**Thay mặt Chính phủ nước Cộng hoà Phần Lan**
Võ Hồng Phúc Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Paavo Väyrynen Bộ trưởng Bộ Ngoại thương và Phát triển

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

AND

THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF FINLAND

ON

THE PROMOTION AND PROTECTION OF INVESTMENTS

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Republic of Finland, hereinafter referred to as the "Contracting Parties",

RECOGNISING the need to protect investments of the investors of one Contracting Party in the territory of the other Contracting Party on a non-discriminatory basis;

DESIRING to promote greater economic co-operation between them, with respect to investments by nationals and companies of one Contracting Party in the territory of the other Contracting Party;

RECOGNISING that agreement on the treatment to be accorded such investments will stimulate the flow of private capital and the economic development of the Contracting Parties;

AGREEING that a stable framework for investment will contribute to maximising the effective utilisation of economic resources and improve living standards;

RECOGNISING that the development of economic and business ties can promote respect for internationally recognised labour rights;

AGREEING that these objectives can be achieved without relaxing health, safety and environmental measures of general application; and

Having resolved to conclude an Agreement concerning the promotion and protection of investments;

HAVE AGREED AS FOLLOWS:

Article 1
Definitions

For the purpose of this Agreement:

1. The term "investment" means every kind of asset established or acquired by an investor of one Contracting Party in the territory of the other Contracting Party in accordance with the laws and regulations of the latter Contracting Party, including in particular, though not exclusively:

(a) movable and immovable property or any property rights such as mortgages, liens, pledges, leases, usufruct and similar rights;

(b) reinvested returns;

(c) shares in and stocks and debentures of a company or any other forms of participation in a company;

(d) claims to money or rights to a performance having an economic value;

(e) intellectual property rights, such as patents, copyrights, trade marks, industrial designs, business names, geographical indications as well as technical processes, know-how and goodwill; and

(f) concessions conferred by law, by an administrative act or under a contract by a competent authority, including concessions to search for, develop, extract or exploit natural resources.

Investments made in the territory of one Contracting Party by any legal entity of that same Contracting Party, but actually owned or controlled, directly or indirectly, by investors of the other Contracting Party, shall likewise be considered as investments of investors of the latter Contracting Party if they have been made in accordance with the laws and regulations of the former Contracting Party.

Any change in the form in which assets are invested or reinvested does not affect their character as investments.

2. The term "returns" means the amounts yielded by investments and shall in particular, though not exclusively, include profits, dividends, interest, royalties, capital gains or any payments in kind related to an investment.

3. The term "investor" means, for either Contracting Party, the following subjects who invest in the territory of the other Contracting Party in accordance with the laws and regulations of the latter Contracting Party and the provisions of this Agreement:

(a) any natural person who is a national of the first Contracting Party in accordance with its laws; or

(b) any legal entity such as company, corporation, firm, partnership, business association, institution or organisation, incorporated or constituted in accordance with the laws and regulations of the Contracting Party and having its registered office or central administration or principal place of business within the jurisdiction of that Contracting Party, whether or not for profit and whether its liabilities are limited or not.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

4. The term "territory" means:

(1) with respect to the Socialist Republic of Viet Nam, all land territory (including islands), maritime and submarine areas over which the Socialist Republic of Viet Nam exercises, in accordance with national and international law, sovereignty, sovereign rights and jurisdiction.

(2) with respect to Finland, the land territory, internal waters and territorial sea of the Contracting Party and the airspace above them, as well as the maritime zones beyond the territorial sea, including the seabed and subsoil, over which that Contracting Party exercises sovereign rights or jurisdiction in accordance with its national laws in force and international law, for the purpose of exploration and exploitation of the natural resources of such areas.

Article 2
Promotion and protection of investments

1. Each Contracting Party shall promote in its territory investments by investors of the other Contracting Party and shall, in accordance with its laws and regulations, admit such investments.

2. Each Contracting Party shall in its territory accord to investments and returns of investments of investors of the other Contracting Party fair and equitable treatment and full and constant protection and security.

3. Neither Contracting Party shall in its territory impair by unreasonable or arbitrary measures the acquisition, expansion, operation, management, maintenance, use, enjoyment and sale or other disposal of investments of investors of the other Contracting Party.

Article 3
Treatment of investments

1. Each Contracting Party shall accord to investors of the other Contracting Party and to their investments, a treatment no less favourable than the treatment it accords to its own investors and their investments with respect to the acquisition, expansion, operation, management, maintenance, use, enjoyment and sale or other disposal of investments.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

2. Each Contracting Party shall accord to investors of the other Contracting Party and to their investments, a treatment no less favourable than the treatment it accords to investors of the most favoured nation and to their investments with respect to the establishment, acquisition, expansion, operation, management, maintenance, use, enjoyment, and sale or other disposal of investments.

3. Each Contracting Party shall accord to investors of the other Contracting Party and to their investments the better of the treatments required by paragraph 1 and paragraph 2 of this Article, whichever is the more favourable to the investors or investments.

4. The provisions of paragraph 1 of this Article shall not apply to existing or future non-conforming measures maintained or adopted within the territory of the Socialist Republic of Viet Nam or any future amendment thereto provided that the amendment shall be made in conformity with the provisions on the Most Favoured Nation Treatment provided for in this Agreement. Treatment granted to investments once admitted, shall in no case be worse than the treatment granted in accordance with the provisions of this Article at the time when the original investment was made. The Government of the Socialist Republic of Viet Nam will take appropriate measures to progressively remove such non-conforming measures.

Article 4
Exemptions

The provisions of this Agreement shall not be construed so as to oblige one Contracting Party to extend to the investors and investments by investors of the other Contracting Party the benefit of any treatment, preference or privilege by virtue of any existing or future:

(a) free trade area, customs union, common market, economic and monetary union or other similar regional economic integration agreement, including regional labour market agreements, to which one of the Contracting Parties is or may become a party, or

(b) agreement for the avoidance of double taxation or other international agreement relating wholly or mainly to taxation, or

(c) multilateral or regional agreement relating wholly or mainly to investments.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

Article 5
Expropriation

1. Investments by investors of a Contracting Party in the territory of the other Contracting Party shall not be expropriated, nationalised or subjected to any other measures, direct or indirect, having an effect equivalent to expropriation or nationalisation (hereinafter referred to as "expropriation"), except for a purpose which is in the public interest, on a non-discriminatory basis, in accordance with due process of law, and against prompt, adequate and effective compensation.

2. Such compensation shall amount to the value of the expropriated investment at the time immediately before the expropriation or before the impending expropriation became public knowledge, whichever is the earlier. The value shall be determined in accordance with generally accepted principles of valuation.

3. Compensation shall be fully realisable and shall be paid without any restriction or delay. It shall include interest at a commercial rate established on a market basis for the currency of payment from the date of dispossession of the expropriated property until the date of actual payment.

4. Where a Contracting Party expropriates the assets of a company which is incorporated or constituted under the law in force in any part of its own territory, and in which investors of the other Contracting Party own shares, it shall ensure that the provisions of paragraph 1 of this Article are applied to the extent necessary to guarantee prompt, adequate and effective compensation in respect of their investment to such investors of the contracting party who are owners of those shares.

5. Without prejudice to the provisions of Article 9 of this Agreement, the investor whose investments are expropriated shall have the right to prompt review of its case and of valuation of its investments in accordance with the principles set out in this Article, by a judicial or other competent authority of that Contracting Party.

Article 6
Compensation for losses

1. Investors of one Contracting Party whose investments in the territory of the other Contracting Party suffer losses owing to war or other armed conflict, a state of national emergency, revolt, insurrection or riot in the territory of the latter Contracting Party, shall be accorded by the latter

Contracting Party, as regards restitution, indemnification, compensation or other settlement, a treatment no less favourable than the one accorded by the latter Contracting Party to its own investors or investors of the most favoured nation, whichever, according to the investor, is the more favourable.

2. Without prejudice to paragraph 1 of this Article, investors of one Contracting Party who, in any of the situations referred to in that paragraph, suffer losses in the territory of the other Contracting Party resulting from:

(a) requisitioning of its investment or a part thereof by the latter's armed forces or authorities, or

(b) destruction of its investment or a part thereof by the latter's armed forces or authorities, which was not required by the necessity of the situation,

shall be accorded by the latter Contracting Party restitution or compensation which in either case shall be prompt, adequate and effective and with respect to compensation, shall be in accordance with Article 5 paragraphs 1-3.

Article 7
Free transfer

1. Each Contracting Party shall ensure to investors of the other Contracting Party the free transfer, into and out of its territory, of their investments and transfer payments related to investments. Such payments shall include in particular, though not exclusively:

(a) principal and additional amounts to maintain, develop or increase the investment;

(b) returns;

(c) proceeds obtained from the total or partial sale or disposal of an investment, including the sale of shares;

(d) amounts required for the payment of expenses which arise from the operation of the investment, such as loans repayments, payment of royalties, management fees, licence fees or other similar expenses;

(e) compensation payable pursuant to Articles 5, 6, 8 and 9;

(f) earnings and other remuneration of personnel engaged from abroad and working in connection with an investment.

2. Each Contracting Party shall further ensure that the transfers referred to in paragraph 1 of this Article shall be made without any restriction in a freely convertible currency of the choice of the investor and at the prevailing market rate of exchange applicable on the date of transfer to the currency to be transferred and shall be transferable without delay.

3. In the absence of a market for foreign exchange, the rate to be used shall be the most recent exchange rate for the conversions of currencies into Special Drawing Rights.

Article 8
Subrogation

If a Contracting Party or its designated agency makes a payment under an indemnity, guarantee or contract of insurance given in respect of an investment of an investor in the territory of the other Contracting Party, the latter Contracting Party shall recognise the assignment of any right or claim of such an investor to the former Contracting Party or its designated agency, and the right of the former Contracting Party or its designated agency to exercise by virtue of subrogation any such right and claim to the same extent as its predecessor in title.

Article 9
Disputes between an Investor and a Contracting Party

1. Any legal dispute arising directly from an investment between one Contracting Party and an investor of the other Contracting Party should be settled amicably between the two parties to the dispute.

2. If the dispute has not been settled within three (3) months from the date on which it was raised in writing, the dispute may, at the choice of the investor, be submitted to:

(a) the competent courts of the Contracting Party in whose territory the investment is made; or

(b) arbitration by the International Centre for Settlement of Investment Disputes (the "Centre"), established pursuant to the Convention on the Settlement of Investment Disputes between States and Nationals

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

of other States, opened for signature at Washington, 18 March 1965 (the "Washington Convention"), if both Contracting Parties are parties to the Washington Convention; or

(c) arbitration by the Additional Facility of the Centre, if only one of the Contracting Parties is a signatory to the Washington Convention referred to in subparagraph (b) of this paragraph; or

(d) an ad hoc arbitration tribunal to be established under the Arbitration Rules of the United Nations Commission on International Trade Law (UNCITRAL); or

(e) any other previously accepted ad hoc arbitration tribunal.

3. Once the investor has submitted the dispute to the competent court of the host Contracting Party or to one of the arbitration procedures stipulated in paragraphs 2(b) to 2(e) of this Article, the choice of the procedure is final.

4. Any arbitration under this Article shall, at the request of either party to the dispute, be held in a state that is a party to the Convention on the Recognition and Enforcement of Foreign Arbitral Awards (New York Convention), opened for signature at New York on 10 June 1958. Claims submitted to arbitration under this Article shall be considered to arise out of a commercial relationship or transaction for the purposes of Article 1 of the New York Convention.

5. Each Contracting Party hereby gives its unconditional consent to the submission of a dispute between it and an investor of the other Contracting Party to arbitration in accordance with this Article.

6. Neither of the Contracting Parties, which is a party to a dispute, can raise an objection, at any phase of the arbitration procedure or of the execution of an arbitral award, on account of the fact that the investor, which is the other party to the dispute, has received an indemnification covering a part or the whole of its losses by virtue of an insurance.

7. The award shall be final and binding on the parties to the dispute and shall be executed in accordance with national law of the Contracting Party in whose territory the award is relied upon, by the competent authorities of the Contracting Party by the date indicated in the award.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế - Bộ Ngoại giao

Article 10
Disputes between the Contracting Parties

1. Disputes between the Contracting Parties concerning the interpretation and application of this Agreement shall, as far as possible, be settled through diplomatic channels.

2. If the dispute cannot thus be settled within six (6) months following the date on which either Contracting Party requested such negotiations, it shall at the request of either Contracting Party be submitted to an Arbitral Tribunal.

3. Such an Arbitral Tribunal shall be constituted for each individual case in the following way. Within two (2) months of the receipt of the request for arbitration, each Contracting Party shall appoint one member of the Tribunal. Those two members shall then select a national of a third State who on approval by the two Contracting Parties shall be appointed Chairman of the Tribunal. The Chairman shall be appointed within four (4) months from the date of appointment of the other two members.

4. If the necessary appointments have not been made within the periods specified in paragraph 3 of this Article, either Contracting Party may, in the absence of any other agreement, invite the President of the International Court of Justice to make the necessary appointments. If the President is a national of either Contracting Party or is otherwise prevented from discharging the said function, the Member of the International Court of Justice next in seniority who is not a national of either Contracting Party or is not otherwise prevented from discharging the said function, shall be invited to make the necessary appointments.

5. The Arbitral Tribunal shall reach its decision by a majority of votes. The decisions of the Tribunal shall be final and binding on both Contracting Parties. Each Contracting Party shall bear the costs of the member appointed by that Contracting Party and of its representation in the arbitral proceedings. Both Contracting Parties shall assume an equal share of the costs of the Chairman, as well as any other costs. The Tribunal may make a different decision regarding the sharing of the costs. In all other respects, the Arbitral Tribunal shall determine its own rules of procedure.

6. Issues subject to dispute referred to in paragraph 1 of this Article shall be decided in accordance with the provisions of this Agreement and the generally recognised principles of international law.

Article 11
Permits

1. Each Contracting Party shall, subject to its laws and regulations, treat favourably the applications relating to investments and grant expeditiously the necessary permits required in its territory in connection with investments by investors of the other Contracting Party.

2. Each Contracting Party shall, subject to its laws and regulations and their obligations under the WTO Agreements, grant temporary entry and stay and provide any necessary confirming documentation to natural persons who are employed from abroad as executives, managers, specialists or technical personnel in connection with an investment by an investor of the other Contracting Party, and who are essential for the enterprise, as long as these persons continue to meet the requirements of this paragraph. Immediate family members of such personnel shall also be granted a similar treatment with regard to entry and temporary stay in the territory of the host Contracting Party.

Article 12
Application of other rules

1. If the provisions of law of either Contracting Party or obligations under international law, existing at present or established hereafter between the Contracting Parties in addition to this Agreement, contain a regulation, whether general or specific, entitling investments made by investors of the other Contracting Party to a treatment more favourable than is provided by this Agreement, such provisions shall, to the extent that they are more favourable to the investor, prevail over this Agreement.

2. Each Contracting Party shall observe any other obligation it may have with regard to a specific investment of an investor of the other Contracting Party.

Article 13
Application of the Agreement

This Agreement shall apply to all investments made by investors of either Contracting Party in the territory of the other Contracting Party, whether made before or after the entry into force of this Agreement, but shall not apply to any dispute concerning an investment that arose or any claim that was settled before its entry into force.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

Article 14
Transparency

1. Each Contracting Party shall promptly publish, or otherwise make publicly available, its laws, regulations, procedures and administrative rulings and judicial decisions of general application as well as international agreements which may affect the investments of investors of the other Contracting Party in the territory of the former Contracting Party.

2. Nothing in this Agreement shall require a Contracting Party to furnish or allow access to any confidential or proprietary information, including information concerning particular investors or investments, the disclosure of which would impede law enforcement or be contrary to its laws protecting confidentiality or prejudice legitimate commercial interests of particular investors.

Article 15
Consultations

The Contracting Parties shall, at the request of either Contracting Party, hold consultations for the purpose of reviewing the implementation of this Agreement and studying any issue that may arise from this Agreement. Such consultations shall be held between the competent authorities of the Contracting Parties in a place and at a time agreed on through appropriate channels.

Article 16
Entry into force, duration and termination

1. The Contracting Parties shall notify each other when their constitutional requirements for the entry into force of this Agreement have been fulfilled. The Agreement shall enter into force on the thirtieth day following the date of receipt of the last notification.

2. Upon its entry into force, the present Agreement substitutes and replaces the Agreement between the Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Republic of Finland on the Promotion and Reciprocal Protection of Investments done at Helsinki on 13 September 1993.

3. This Agreement shall remain in force for a period of twenty (20) years and shall thereafter remain in force on the same terms until either

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

Contracting Party notifies the other in writing of its intention to terminate the Agreement in twelve (12) months.

4. In respect of investments made prior to the date of termination of this Agreement, the provisions of Articles 1 to 15 shall remain in force for a further period of twenty (20) years from the date of termination of this Agreement.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned representatives, being duly authorised thereto, have signed the present Agreement.

Done in duplicate at Hanoi, on 21 February 2008 in the Vietnamese, Finnish and English languages, all texts being equally authentic. In case of divergence, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	FOR THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF FINLAND
Vo Hong Phuc	Paavo Väyrynen
Minister, Ministry of Planning and Investment	Minister for Foreign Trade and Development

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

SOPIMUS

VIETNAMIN SOSIALISTISEN TASAVALLAN HALLITUKSEN JA SUOMEN TASAVALLAN HALLITUKSEN VÄLILLÄ SIJOITUSTEN EDISTÄMISESTÄ JA SUOJAAMISESTA

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

Vietnamin sosialistisen tasavallan hallitus ja Suomen tasavallan hallitus, jäljempänä ”sopimuspuolet”, jotka

ovat tietoisia tarpeesta suojata sopimuspuolen sijoittajien toisen sopimuspuolen alueella olevia sijoituksia ketään syrjimättä;

haluavat lisätä sopimuspuolten välistä taloudellista yhteistyötä sellaisten sijoitusten osalta, joita sopimuspuolen kansalaiset ja yritykset ovat tehneet toisen sopimuspuolen alueella;

tiedostavat, että sopimus tällaisille sijoituksille myönnettävästä kohtelusta edistää yksityisen pääoman siirtoja ja sopimuspuolten taloudellista kehitystä;

ovat samaa mieltä siitä, että vakaat puitteet sijoituksille edistävät taloudellisten voimavarojen mahdollisimman tehokasta käyttöä ja parantavat elintasoa;

ovat tietoisia siitä, että taloudellisten yhteyksien ja liikeyhteyksien kehittäminen voi edistää kansainvälisesti tunnustettujen työelämään liittyvien oikeuksien kunnioittamista;

ovat samaa mieltä siitä, että nämä tavoitteet voidaan saavuttaa lieventämättä vaatimuksia, jotka liittyvät yleisesti sovellettaviin terveyttä, turvallisuutta ja ympäristöä koskeviin toimenpiteisiin; ja

ovat päättäneet tehdä sijoitusten edistämistä ja suojaamista koskevan sopimuksen;

ovat sopineet seuraavasta:

1 artikla
Määritelmät

Tässä sopimuksessa:

1. ”Sijoitus” tarkoittaa kaikenlaista varallisuutta, jonka sopimuspuolen sijoittaja on perustanut tai hankkinut toisen sopimuspuolen alueella tämän sopimuspuolen lakien ja määräysten mukaisesti, mukaan luettuna erityisesti, ei kuitenkaan yksinomaan:

a) irtain ja kiinteä omaisuus tai omaisuuteen kohdistuvat oikeudet, kuten kiinnitykset, pantti- ja pidätysoikeudet, vuokra- ja nautintaoikeudet ja muut vastaavat oikeudet;

b) uudelleen sijoitettu tuotto;

c) yrityksen osakkeet ja joukkovelkakirjat ja muut osuudet yrityksestä;

d) vaateet rahaan tai oikeudet suoritteisiin, joilla on taloudellista arvoa;

e) henkiseen omaisuuteen kohdistuvat oikeudet, kuten patentit, tekijänoikeudet, tavaramerkit, teolliset mallioikeudet, toiminimet, maantieteelliset merkinnät sekä tekniset valmistusmenetelmät, tietotaito ja goodwill-arvo; ja

f) lakiin, hallinnolliseen toimenpiteeseen tai toimivaltaisen viranomaisen kanssa tehtyyn sopimukseen perustuvat toimiluvat, mukaan luettuna luvat etsiä, ottaa käyttöön, louhia tai hyödyntää luonnonvaroja.

Myös sellaiset sijoitukset, joita sopimuspuolen oikeushenkilö on tehnyt tämän sopimuspuolen alueella, mutta jotka ovat tosiasiallisesti toisen sopimuspuolen sijoittajien omistuksessa tai suorassa tai välillisessä hallinnassa, katsotaan viimeksi mainitun sopimuspuolen sijoittajien sijoituksiksi, jos ne on tehty ensin mainitun sopimuspuolen lakien ja määräysten mukaisesti.

Mikään varallisuuden sijoitus- tai jälleensijoitusmuodon muutos ei vaikuta varallisuuden luonteeseen sijoituksena.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

2. ”Tuotto” tarkoittaa sijoituksesta saatuja tuloja ja siihen sisältyy erityisesti, ei kuitenkaan yksinomaan voitto, osingot, korot, rojaltit, omaisuuden luovutusvoitto tai sijoitukseen liittyvät luontoissuoritukset.

3. ”Sijoittaja” tarkoittaa kummankin sopimuspuolen osalta seuraavia henkilöitä, jotka sijoittavat toisen sopimuspuolen alueella jälkimmäisen sopimuspuolen lakien ja määräysten ja tämän sopimuksen määräysten mukaisesti:

a) luonnollista henkilöä, joka on ensin mainitun sopimuspuolen kansalainen sen lainsäädännön mukaisesti;

b) oikeushenkilöä, esimerkiksi yhtiötä, yhtymää, toiminimeä, taloudellista yhdistystä, yleishyödyllistä laitosta tai järjestöä, joka on perustettu tai muodostettu sopimuspuolen lakien ja määräysten mukaisesti ja jonka rekisteröity toimipaikka, keskushallinto tai päätoimipaikka on kyseisen sopimuspuolen lainkäyttövaltaan kuuluvalla alueella, riippumatta siitä, onko sen tarkoituksena taloudellisen voiton tuottaminen ja onko sen vastuuta rajoitettu.

4. ”Alue” tarkoittaa:

(1) Vietnamin sosialistisen tasavallan osalta kaikkia maa-alueita (mukaan lukien saaret), merialueita ja merenalaisia alueita, joihin nähden Vietnamin sosialistisella tasavallalla on kansallisen lainsäädäntönsä ja kansainvälisen oikeuden mukaisesti suvereniteetti, täysivaltaiset oikeudet ja lainkäyttövalta;

(2) Suomen osalta sopimuspuolen maa-aluetta, sisäisiä aluevesiä ja aluemerta ja niiden yläpuolella olevaa ilmatilaa sekä aluemeren ulkopuolisia merivyöhykkeitä, mukaan luettuna merenpohja ja sen sisusta, joihin nähden kyseisellä sopimuspuolella on voimassa olevan kansallisen lainsäädäntönsä ja kansainvälisen oikeuden mukaisesti täysivaltaiset oikeudet tai lainkäyttövalta näiden alueiden luonnonvarojen tutkimisen ja hyödyntämisen osalta.

2 artikla
Sijoitusten edistäminen ja suojaaminen

1. Kumpikin sopimuspuoli edistää alueellaan toisen sopimuspuolen sijoittajien sijoituksia ja hyväksyy tällaiset sijoitukset lakiensa ja määräystensä mukaisesti.

2. Kumpikin sopimuspuoli myöntää alueellaan oikeudenmukaisen kohtelun sekä täysimääräisen ja jatkuvan suojan ja turvan toisen sopimuspuolen sijoittajien sijoituksille ja niiden tuotolle.

3. Kumpikaan sopimuspuoli ei alueellaan haittaa kohtuuttomin tai mielivaltaisin toimenpitein toisen sopimuspuolen sijoittajien sijoitusten hankintaa, laajentamista, toimintaa, hoitoa, ylläpitoa, käyttöä, hyödyntämistä ja myyntiä tai muuta luovuttamista.

3 artikla
Sijoitusten kohtelu

1. Kumpikin sopimuspuoli myöntää toisen sopimuspuolen sijoittajille ja näiden sijoituksille vähintään yhtä edullisen kohtelun kuin se myöntää omille sijoittajilleen ja näiden sijoituksille sijoitusten hankinnan, laajentamisen, toiminnan, hoidon, ylläpidon, käytön, hyödyntämisen ja myynnin tai muun luovuttamisen osalta.

2. Kumpikin sopimuspuoli myöntää toisen sopimuspuolen sijoittajille ja näiden sijoituksille vähintään yhtä edullisen kohtelun kuin se myöntää suosituimmuusasemassa olevan maan sijoittajille ja näiden sijoituksille niiden perustamisen, hankinnan, laajentamisen, toiminnan, hoidon, ylläpidon, käytön, hyödyntämisen ja myynnin tai muun luovuttamisen osalta.

3. Kumpikin sopimuspuoli myöntää toisen sopimuspuolen sijoittajille ja näiden sijoituksille tämän artiklan 1 ja 2 kappaleen edellyttämistä kohteluista paremman sen mukaan, kumpi niistä on sijoittajalle tai sijoituksille edullisempi.

4. Tämän artiklan 1 kappaleen määräyksiä ei sovelleta Vietnamin sosialistisen tasavallan alueella voimassa oleviin tai tulevaisuudessa toteutettaviin määräysten vastaisiin toimenpiteisiin eikä niiden tuleviin muutoksiin edellyttäen, että muutokset tehdään noudattaen tämän sopimuksen määräyksiä suosituimmuusasemassa olevan maan kohtelusta. Hyväksytyille sijoituksille myönnettävä kohtelu ei saa missään tapauksessa olla epäedullisempaa kuin se kohtelu, joka myönnettiin tämän artiklan määräysten mukaisesti alkuperäisen sijoituksen tekemisajankohtana. Vietnamin sosialistisen tasavallan hallitus toteuttaa asianmukaiset toimenpiteet lakkauttaakseen asteittain tällaiset määräysten vastaiset toimenpiteet.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

4 artikla
Poikkeukset sijoitusten kohtelusta

Tämän sopimuksen määräysten ei katsota velvoittavan sopimuspuolta ulottamaan toisen sopimuspuolen sijoittajiin ja näiden sijoituksiin kohtelua, etua tai erivapautta, joka perustuu olemassa olevaan tai tulevaan:

a) vapaakauppa-alueeseen, tulliliittoon, yhteismarkkina-alueeseen, talous- ja rahaliittoon tai muuhun vastaavaan alueelliseen taloudellista yhdentymistä koskevaan sopimukseen, mukaan luettuna alueelliset työmarkkinasopimukset, jonka osapuolena toinen sopimuspuoli on tai jonka osapuoleksi se voi tulla, tai

b) kaksinkertaisen verotuksen välttämistä koskevaan sopimukseen tai muuhun kokonaan tai pääasiassa verotusta koskevaan kansainväliseen sopimukseen, tai

c) kokonaan tai pääasiassa sijoituksia koskevaan monenväliseen tai alueelliseen sopimukseen.

5 artikla
Pakkolunastus

1. Sopimuspuolen sijoittajien toisen sopimuspuolen alueella olevia sijoituksia ei pakkolunasteta tai kansallisteta eikä niihin kohdisteta muita suoria tai välillisiä toimenpiteitä, joilla on pakkolunastusta tai kansallistamista vastaava vaikutus (jäljempänä "pakkolunastus"), ellei sitä tehdä yleisen edun vuoksi, ketään syrjimättä, oikeudenmukaista menettelyä noudattaen ja maksamalla siitä välitön, riittävä ja tosiasiallinen korvaus.

2. Tällaisen korvauksen on vastattava pakkolunastetun sijoituksen arvoa, joka sillä oli välittömästi ennen pakkolunastuksen suorittamista tai ennen kuin pakkolunastus tuli yleiseen tietoon, sen mukaan, kumpi ajankohdista on aikaisempi. Arvo määritetään yleisesti hyväksyttyjen arvonmääritysperiaatteiden mukaisesti.

3. Korvauksen tulee olla täysin realisoitavissa ja se maksetaan rajoituksetta ja viipymättä. Korvaukseen sisältyy maksuvaluutan markkinakoron mukainen korko pakkolunastetun omaisuuden menettämispäivästä korvauksen maksupäivään saakka.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

4. Sopimuspuolen pakkolunastaessa sellaisen yrityksen varat, joka on perustettu tai muodostettu jossakin tämän sopimuspuolen oman alueen osassa voimassa olevan lainsäädännön mukaisesti ja jonka osakkeita toisen sopimuspuolen sijoittajat omistavat, ensin mainittu sopimuspuoli varmistaa, että tämän artiklan 1 kappaleen määräyksiä sovelletaan siltä osin kuin on tarpeen, jotta näitä osakkeita omistaville toisen sopimuspuolen sijoittajille taataan välitön, riittävä ja tosiasiallinen korvaus niiden sijoituksista.

5. Sijoittajalla, jonka sijoituksia pakkolunastetaan, on oikeus saada tapauksensa viipymättä kyseisen sopimuspuolen oikeusviranomaisten tai muiden toimivaltaisten viranomaisten käsiteltäväksi sekä oikeus sijoitustensa arvonmääritykseen tässä artiklassa mainittujen periaatteiden mukaisesti, sanotun kuitenkaan rajoittamatta tämän sopimuksen 9 artiklan määräysten soveltamista.

6 artikla
Menetysten korvaaminen

1. Sopimuspuoli myöntää toisen sopimuspuolen sijoittajille, joiden kyseisen sopimuspuolen alueella oleville sijoituksille aiheutuu menetyksiä tällä alueella olevan sodan tai muun aseellisen selkkauksen, kansallisen hätätilan, kansannousun, kapinan tai mellakan vuoksi, edunpalautuksen, hyvityksen, korvauksen tai muun järjestelyn osalta vähintään yhtä edullisen kohtelun kuin se myöntää omille sijoittajilleen tai suosituimmuusasemassa olevan maan sijoittajille, sen mukaan kumpi niistä on sijoittajan mukaan edullisempi.

2. Sen vaikuttamatta tämän artiklan 1 kappaleen soveltamiseen, sopimuspuolen sijoittajalle, joka kyseisessä kappaleessa tarkoitetussa tilanteessa kärsii toisen sopimuspuolen alueella menetyksiä, jotka johtuvat:

a) siitä, että viimeksi mainitun sopimuspuolen asevoimat tai viranomaiset ovat pakko-ottaneet sen sijoituksen tai sijoituksen osan, tai

b) siitä, että viimeksi mainitun sopimuspuolen asevoimat tai viranomaiset ovat tuhonneet sen sijoituksen tai sijoituksen osan, vaikka tilanne ei olisi edellyttänyt sitä,

myönnetään viimeksi mainitun sopimuspuolen toimesta edunpalautus tai korvaus, jonka tulee kummassakin tapauksessa olla välitön, riittävä ja tosiasiallinen, ja korvaus tulee maksaa 5 artiklan 1–3 kappaleen mukaisesti.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

7 artikla
Vapaat siirrot

1. Kumpikin sopimuspuoli takaa toisen sopimuspuolen sijoittajille oikeuden siirtää vapaasti näiden sijoituksia ja sijoituksiin liittyviä siirtomaksuja alueelleen ja alueeltaan. Näihin siirtomaksuihin sisältyvät erityisesti, ei kuitenkaan yksinomaan:

a) peruspääoma sekä sijoituksen ylläpitämiseen, kehittämiseen tai kasvattamiseen tarkoitetut lisäsummat;

b) tuotto;

c) kokonaan tai osittain tapahtuvasta sijoituksen myynnistä tai luovuttamisesta saadut tulot, mukaan luettuna osakkeiden myynnistä saadut tulot;

d) sijoituksen toiminnasta aiheutuvien kulujen maksamiseen vaaditut rahasummat, kuten lainojen takaisinmaksut, rojaltit, hallinnointikorvaukset, lisenssimaksut tai muut vastaavat kulut;

e) tämän sopimuksen 5, 6, 8 ja 9 artiklan mukaisesti maksettavat korvaukset;

f) ulkomailta palkatun ja sijoituksen yhteydessä työskentelevän henkilökunnan ansiotulot ja muut palkkiot.

2. Kumpikin sopimuspuoli varmistaa myös, että tämän artiklan 1 kappaleessa tarkoitetut siirrot tehdään rajoituksetta sijoittajan valitsemassa vapaasti vaihdettavassa valuutassa ja siirrettävään valuuttaan siirtopäivänä sovellettavan markkinakurssin mukaisesti ja että ne ovat viipymättä siirrettävissä.

3. Jos valuuttamarkkinoita ei ole käytettävissä, sovellettava vaihtokurssi vastaa viimeisintä vaihtokurssia, jota on käytetty valuuttojen muuttamiseksi erityisnosto-oikeuksiksi.

8 artikla
Sijaantulo

Jos sopimuspuoli tai sen edustajaksi määrätty taho suorittaa maksun toisen sopimuspuolen alueella olevaan sijoitukseen liittyvän korvausvastuun

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

tai takuu- tai vakuutussopimuksen perusteella, viimeksi mainittu sopimuspuoli tunnustaa sijoittajan oikeuksien ja vaateiden siirtämisen ensin mainitulle sopimuspuolelle tai sen edustajaksi määrätylle taholle, sekä ensin mainitun sopimuspuolen tai sen edustajaksi määrätyn tahon oikeuden käyttää näitä oikeuksia ja vaateita sijaantulon perusteella samassa määrin kuin niiden edellinen haltija.

9 artikla
Sijoittajan ja sopimuspuolen väliset riidat

1. Sopimuspuolen ja toisen sopimuspuolen sijoittajan väliset oikeudelliset riidat, jotka johtuvat suoraan sijoituksesta, tulisi ratkaista sovinnollisesti riidan osapuolten kesken.

2. Jos riitaa ei ole ratkaistu kolmen (3) kuukauden kuluessa siitä päivästä, jona riidasta on ilmoitettu kirjallisesti, riita voidaan sijoittajan valinnan mukaisesti saattaa:

a) sen sopimuspuolen toimivaltaiseen tuomioistuimeen, jonka alueella sijoitus on tehty; tai

b) ratkaistavaksi välimiesmenettelyn avulla sijoituksia koskevien riitaisuuksien kansainväliseen ratkaisukeskukseen (jäljempänä "keskus"), joka on perustettu 18 päivänä maaliskuuta 1965 Washingtonissa allekirjoitettavaksi avatun valtioiden ja toisten valtioiden kansalaisten välisten sijoituksia koskevien riitaisuuksien ratkaisemista koskevan yleissopimuksen (jäljempänä "Washingtonin yleissopimus") mukaisesti, jos molemmat sopimuspuolet ovat Washingtonin yleissopimuksen sopimusvaltioita; tai

c) välimiesmenettelyyn keskuksen ylimääräisten järjestelyjen mukaisesti, jos ainoastaan toinen sopimuspuolista on allekirjoittanut tämän kappaleen b kohdassa tarkoitetun Washingtonin yleissopimuksen; tai

d) tilapäiseen välimiesoikeuteen, joka perustetaan Yhdistyneiden Kansakuntien kansainvälisen kauppaoikeuden komitean (UNCITRAL) välimiesmenettelysääntöjen mukaisesti; tai

e) muuhun ennalta hyväksyttyyn tilapäiseen välimiesoikeuteen.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

3. Kun sijoittaja on saattanut riidan isäntäsopimuspuolen toimivaltaiseen tuomioistuimeen tai johonkin tämän artiklan 2 kappaleen b–e kohdassa mainittuun välimiesmenettelyyn, menettelyn valinta on lopullinen.

4. Tämän artiklan mukainen välimiesmenettely toteutetaan kumman tahansa riidan osapuolen pyynnöstä sellaisessa valtiossa, joka on New Yorkissa 10 päivänä kesäkuuta 1958 allekirjoitettavaksi avatun ulkomaisten välitystuomioiden tunnustamista ja täytäntöönpanoa koskevan yleissopimuksen (New Yorkin yleissopimus) sopimuspuoli. Tämän artiklan mukaisesti välimiesmenettelyyn saatettujen riitojen katsotaan New Yorkin yleissopimuksen 1 artiklan soveltamistarkoituksessa johtuvan kaupallisesta suhteesta tai liiketoimesta.

5. Kumpikin sopimuspuoli antaa ehdoitta suostumuksensa siihen, että sopimuspuolen ja toisen sopimuspuolen sijoittajan välinen riita saatetaan välimiesmenettelyyn tämän artiklan mukaisesti.

6. Kumpikaan sopimuspuolista, joka on riidan osapuolena, ei voi esittää vastalausetta missään välimiesmenettelyn tai välimiestuomion täytäntöönpanon vaiheessa sillä perusteella, että sijoittaja, joka on riidan toisena osapuolena, on saanut vakuutuksen perusteella hyvityksen, joka kattaa sen menetykset kokonaan tai osittain.

7. Välimiestuomio on lopullinen ja sitoo riidan osapuolia, ja se pannaan täytäntöön sen sopimuspuolen kansallisen lainsäädännön mukaisesti, jonka alueella välimiestuomioon vedotaan, kyseisen sopimuspuolen viranomaisten toimesta välimiestuomiossa mainittuun päivämäärään mennessä.

10 artikla
Sopimuspuolten väliset riidat

1. Sopimuspuolten väliset riidat, jotka koskevat tämän sopimuksen tulkintaa ja soveltamista, ratkaistaan mahdollisuuksien mukaan diplomaattiteitse.

2. Jos riitaa ei voida ratkaista tällä tavoin kuuden (6) kuukauden kuluessa siitä päivästä lukien, jona jompikumpi sopimuspuoli on pyytänyt neuvotteluja, se saatetaan jommankumman sopimuspuolen pyynnöstä välimiesoikeuden ratkaistavaksi.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

3. Välimiesoikeus perustetaan kutakin yksittäistapausta varten seuraavalla tavalla. Kahden (2) kuukauden kuluessa välimiesmenettelyä koskevan pyynnön vastaanottamisesta, kumpikin sopimuspuoli nimittää yhden välimiesoikeuden jäsenen. Nämä kaksi jäsentä valitsevat kolmannen valtion kansalaisen, joka molempien sopimuspuolten hyväksynnästä nimitetään välimiesoikeuden puheenjohtajaksi. Puheenjohtaja nimitetään neljän (4) kuukauden kuluessa kahden muun jäsenen nimittämispäivästä.

4. Jos tarvittavia nimityksiä ei ole tehty tämän artiklan 3 kappaleessa mainittujen ajanjaksojen kuluessa, kumpi tahansa sopimuspuoli voi muun sopimuksen puuttuessa pyytää Kansainvälisen tuomioistuimen puheenjohtajaa tekemään tarvittavat nimitykset. Jos Kansainvälisen tuomioistuimen puheenjohtaja on jommankumman sopimuspuolen kansalainen tai on muuten estynyt hoitamasta kyseistä tehtävää, virkaiältään seuraavaksi vanhinta Kansainvälisen tuomioistuimen jäsentä, joka ei ole kummankaan sopimuspuolen kansalainen tai joka ei muutoin ole estynyt hoitamasta kyseistä tehtävää, pyydetään tekemään tarvittavat nimitykset.

5. Välimiesoikeus tekee päätöksensä äänten enemmistöllä. Välimiesoikeuden päätökset ovat lopullisia ja sitovat molempia sopimuspuolia. Kumpikin sopimuspuoli vastaa nimittämänsä jäsenen kustannuksista ja edustuksensa aiheuttamista kustannuksista välimiesmenettelyn aikana. Molemmat sopimuspuolet vastaavat yhtä suurin osuuksin puheenjohtajan kustannuksista sekä muista mahdollisista kustannuksista. Välimiesoikeus voi tehdä erilaisen päätöksen kustannusten jakamisen osalta. Kaikilta muilta osin välimiesoikeus päättää omista menettelysäännöistään.

6. Tämän artiklan 1 kappaleessa tarkoitetut riidat ratkaistaan tämän sopimuksen määräysten ja yleisesti tunnustettujen kansainvälisen oikeuden periaatteiden mukaisesti.

11 artikla
Luvat

1. Kumpikin sopimuspuoli kohtelee lakiensa ja määräystensä mukaisesti suotuisasti sijoituksiin liittyviä lupahakemuksia ja myöntää nopeasti luvat, joita sen alueella tarvitaan toisen sopimuspuolen sijoittajien sijoituksia varten.

2. Kumpikin sopimuspuoli myöntää lakiensa ja määräystensä sekä Maailman kauppajärjestön sopimuksista johtuvien velvoitteidensa mukaisesti

väliaikaisen maahantulo- ja oleskeluluvan ja antaa tarvittavat luvan vahvistavat asiakirjat sellaisille luonnollisille henkilöille, jotka on palkattu ulkomailta työskentelemään toisen sopimuspuolen sijoittajan sijoituksen yhteydessä johtajina, asiantuntijoina tai teknisenä henkilökuntana, ja jotka ovat yritykselle oleellisia, niin kauan kuin nämä henkilöt täyttävät tämän kappaleen vaatimukset. Tällaisten työntekijöiden lähimmille perheenjäsenille myönnetään vastaava kohtelu isäntäsopimuspuolen alueella maahantulon ja väliaikaisen oleskelun osalta.

12 artikla
Muiden määräysten soveltaminen

1. Jos jommankumman sopimuspuolen lainsäädännön määräykset tai tämän sopimuksen lisäksi sopimuspuolten välillä olemassa olevat tai myöhemmin vahvistettavat kansainvälisen oikeuden mukaiset velvoitteet sisältävät joko yleisiä tai erityisiä määräyksiä, joiden mukaan toisen sopimuspuolen sijoittajien sijoituksille voidaan myöntää edullisempi kohtelu kuin tämän sopimuksen mukainen kohtelu, sellaiset määräykset ovat ensisijaisia tämän sopimuksen määräyksiin nähden siinä määrin kuin ne ovat sijoittajalle edullisempia.

2. Kumpikin sopimuspuoli noudattaa muita velvoitteita, joita sillä mahdollisesti on toisen sopimuspuolen sijoittajan yksittäisen sijoituksen osalta.

13 artikla
Sopimuksen soveltaminen

Tätä sopimusta sovelletaan kaikkiin sijoituksiin, joita sopimuspuolen sijoittajat ovat tehneet toisen sopimuspuolen alueella, riippumatta siitä, onko ne tehty ennen tämän sopimuksen voimaantuloa vai sen jälkeen, mutta sitä ei sovelleta sellaisiin sijoituksia koskeviin riitoihin, jotka ovat syntyneet, eikä sellaisiin vaateisiin, jotka on ratkaistu ennen sopimuksen voimaantuloa.

14 artikla
Avoimuusperiaate

1. Kumpikin sopimuspuoli julkaisee viipymättä tai pitää muuten julkisesti saatavilla yleisesti sovellettavat lakinsa, määräyksensä, menettelytapansa ja hallinnolliset päätöksensä ja tuomioistuintensa päätökset sekä kansainväliset sopimukset, jotka voivat vaikuttaa toisen sopimuspuolen sijoittajien sijoituksiin, jotka ovat ensin mainitun sopimuspuolen alueella.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

2. Mikään tämän sopimuksen määräys ei aseta sopimuspuolelle velvollisuutta luovuttaa luottamuksellisia tai omistamiseen liittyviä tietoja tai antaa pääsyä sellaisiin tietoihin, mukaan luettuna yksittäisiä sijoittajia tai sijoituksia koskevat tiedot, joiden paljastaminen haittaisi lainvalvontaa tai olisi kyseisen sopimuspuolen asiakirjajulkisuutta koskevan lainsäädännön vastaista tai haittaisi yksittäisten sijoittajien oikeutettuja kaupallisia etuja.

15 artikla
Neuvottelut

Sopimuspuolet neuvottelevat ajoittain keskenään jommankumman sopimuspuolen pyynnöstä käsitelläkseen tämän sopimuksen täytäntöönpanoa ja tarkastellakseen sellaisia kysymyksiä, joita tästä sopimuksesta voi johtua. Tällaiset neuvottelut käydään sopimuspuolten toimivaltaisten viranomaisten välillä sellaisessa paikassa ja sellaisena ajankohtana, joista on sovittu asianmukaisella tavalla.

16 artikla
Sopimuksen voimaantulo, voimassaoloaika ja voimassaolon päättyminen

1. Sopimuspuolet ilmoittavat toisilleen, kun niiden valtiosäännön mukaiset vaatimukset tämän sopimuksen voimaantulolle on täytetty. Sopimus tulee voimaan kolmantenakymmenentenä päivänä sen päivän jälkeen, jona jälkimmäinen ilmoitus on vastaanotettu.

2. Tullessaan voimaan tämä sopimus korvaa Helsingissä 13 päivänä syyskuuta 1993 tehdyn Suomen tasavallan hallituksen ja Vietnamin sosialistisen tasavallan hallituksen välisen sopimuksen sijoitusten edistämisestä ja molemminpuolisesta suojaamisesta.

3. Tämä sopimus on voimassa kahdenkymmenen (20) vuoden ajan ja on sen jälkeen edelleen voimassa samoin ehdoin, kunnes jompikumpi sopimuspuoli ilmoittaa toiselle sopimuspuolelle kirjallisesti aikomuksestaan päättää sopimuksen voimassaolo kahdentoista (12) kuukauden kuluttua.

4. Sellaisten sijoitusten osalta, jotka on tehty ennen tämän sopimuksen voimassaolon päättymispäivää, 1–15 artiklan määräykset ovat edelleen voimassa seuraavan kahdenkymmenen (20) vuoden ajan tämän sopimuksen voimassaolon päättymispäivästä lukien.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

Tämän vakuudeksi allekirjoittaneet edustajat, siihen asianmukaisesti valtuutettuina, ovat allekirjoittaneet tämän sopimuksen.

Tehty kahtena kappaleena Hanoissa 21 päivänä helmikuuta 2008 vietnamin, suomen ja englannin kielellä, kaikkien tekstien ollessa yhtä todistusvoimaiset. Tekstien poiketessa toisistaan on englanninkielinen teksti ratkaiseva.

Vietnamin sosialistisen tasavallan hallituksen puolesta	**Suomen tasavallan hallituksen puolesta**

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao